

Bệnh da sơ sinh

Tiếp cận chẩn đoán



Mở đầu

- Lớp sừng: mỏng hơn 30%
- Lớp thượng bì trên nhú: mỏng hơn 20%
- Kích thước tế bào sừng: nhỏ hơn 20%
- TEWL thay đổi nhiều hơn so với NL: do NMF thấp
- pH lúc sinh: trung tính → acid (28 ngày-24 tháng)

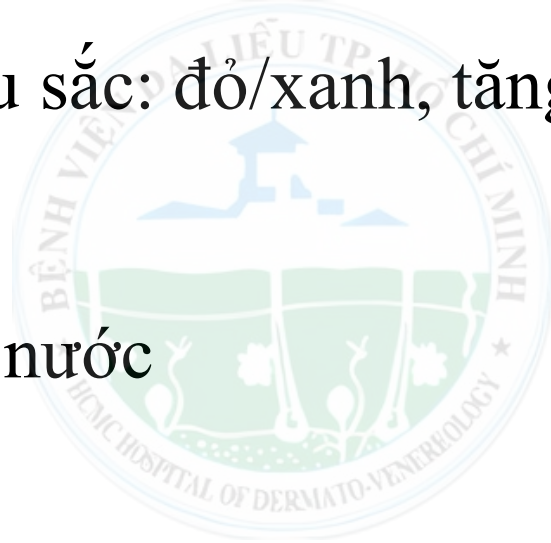
Da trẻ sơ sinh dễ tổn thương so với NL

Mở đầu

- Bệnh da ở trẻ sơ sinh đa số lành tính
- Một số có thể dấu hiệu của bệnh hệ thống → nguy hiểm tính mạng
- Chẩn đoán theo hình thái thương tổn da

Tiếp cận theo hình thái thương tổn

- Dát thay đổi màu sắc: đỏ/xanh, tăng sắc tố, giảm sắc tố
- Sần/mụn mủ
- Mụn nước/bóng nước
- Sần vảy
- Mảng/cục



Dát màu đỏ/xanh

- **Lành tính: hiện tượng mạch máu thoáng qua do lạnh**
 - Acrocyanosis: màu xanh ở bàn tay, bàn chân, không phù và không thay đổi da khác đi kèm
 - Cutis marmorata (da nổi bông)
 - ‘Harlequin’ color change

Dát màu đỏ/xanh

- **Birthmark: do bất thường mạch máu**
 - ✓ Nevus simplex (salmon patch, stork bite, angel kiss)
 - ✓ Nevus flammeus (port-wine stain)

Dát màu đỏ/xanh

- **Bệnh mạch máu bẩm sinh (hiếm gặp)**
 - ✓ *Cutis marmorata telangiectatica congenita*



Dát màu nâu (sắc tố)

- Transient neonatal pustular melanosis
- Dát café sữa (café au lait)
- Lentigines
- Linear and whorled nevoid hypermelanosis

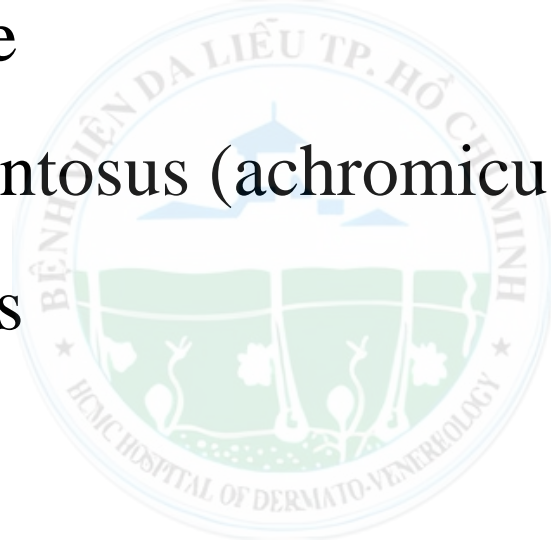
Dát màu xanh (sắc tố)

- Mongolian spot
- Nevus Ota
- Nevus Ito



Dát giảm sắc tố

- Ash leaf macule
- Nevus depigmentosus (achromicus)
- Nevus anemicus
- Piebaldism
- Albinism



Sân/mụn mủ

- Erythema toxicum neonatorum
- Neonatal cephalic pustulosis
- **Transient neonatal pustular melanosis**
- Acropustulosis of Infancy
- Eosinophilic Pustular Folliculitis
- Miliaria
- Milia
- Sebaceous hyperplasia
- Neonatal acne

**Tổng trạng bé
khỏe và không sốt**

Mụn nước/bóng nước

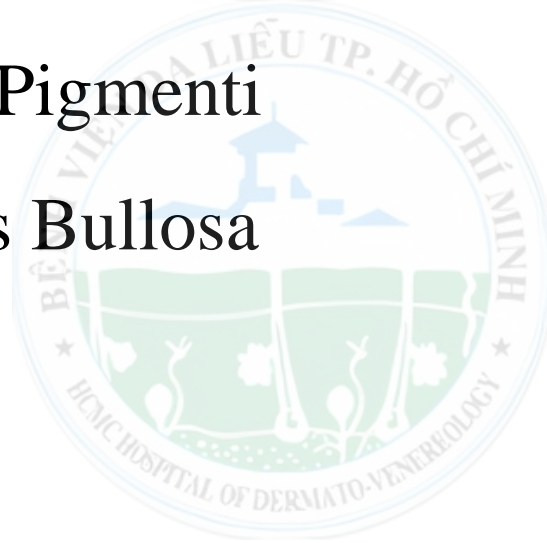
■ Bẩm sinh:

- ✓ Incontinentia Pigmenti
- ✓ Epidermolysis Bullosa
- ✓ Mastocytosis

■ Mắc phải:

- ✓ Scabiei
- ✓ Mastocytosis

**Tổng trạng bé
khỏe và không sốt**



Mụn nước/bóng nước

■ **Nhiễm trùng:**

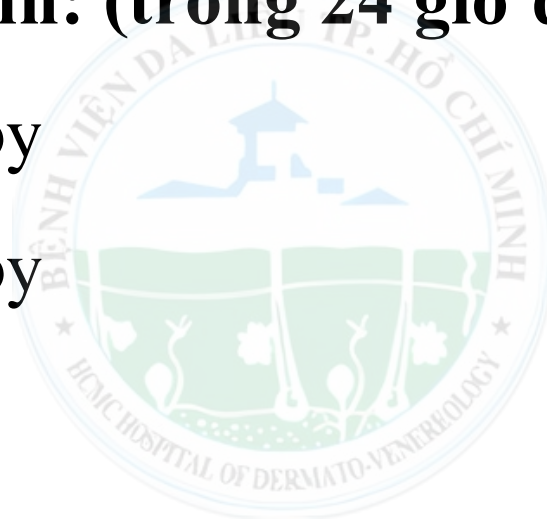
- ✓ Neonatal Herpes Simplex Infection
- ✓ Congenital Varicella Syndrome
- ✓ Neonatal Varicella
- ✓ Disseminated Candidiasis
- ✓ Congenital syphilis
- ✓ **Impetigo and Staphylococcal Scalded-Skin Syndrome**

■ **Tổng trạng bé không khỏe và sốt**

■ **Tiền căn sản khoa**

Vảy

- **Hiện diện lúc sinh: (trong 24 giờ đầu)**
 - ✓ Collodion baby
 - ✓ Harlequin baby
 - ✓ Ichthyosis
- **Sau 24-36 giờ:**
 - Normal desquamation



Sẩn vảy vùng tả lót

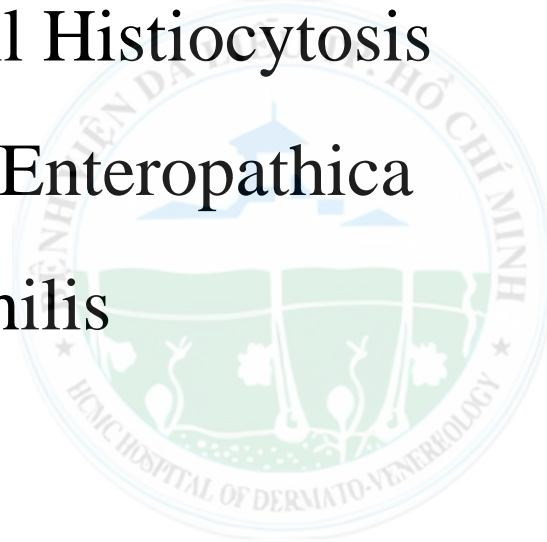
- Irritant Contact Dermatitis (Diaper dermatitis)
- Allergic Contact Dermatitis
- Infected Contact Dermatitis
- Diaper candidiasis
- Seborrheic Dermatitis
- Napkin psoriasis

**Tổng trạng bé
khỏe và không sốt**

Sẩn vảy vùng tả lót

- Langerhans Cell Histiocytosis
- Acrodermatitis Enteropathica
- Congenital syphilis

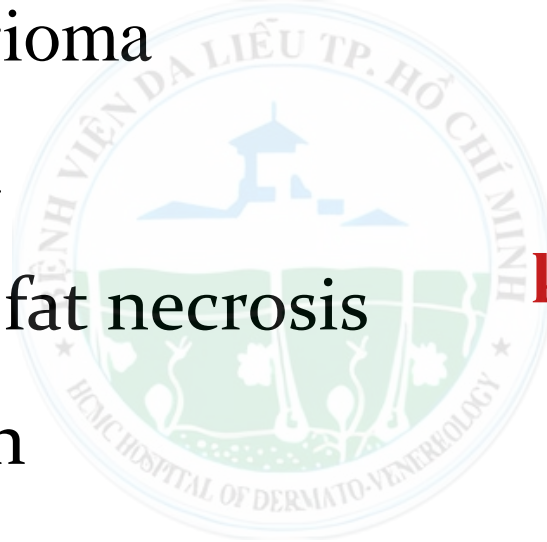
**Tổng trạng bé
không khỏe**



Mảng/cục màu xanh/đỏ

- Infantile hemangioma
- Lymphangioma
- Subcutaneous fat necrosis
of the newborn

**Tổng trạng bé
khỏe và không sốt**



Mảng/cục màu xanh/đỏ

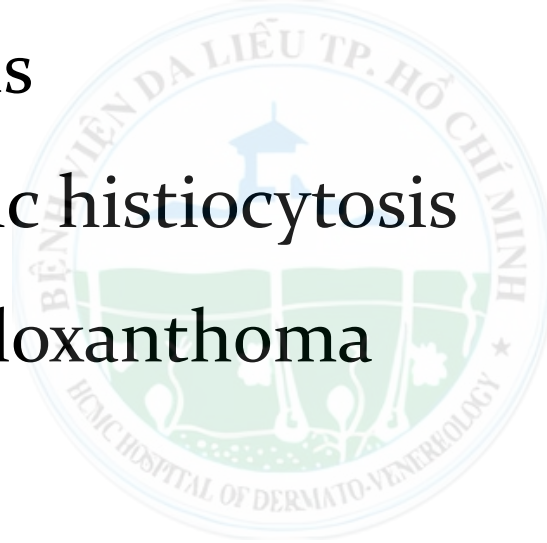
- Congenital Infection (TORCH)
- Primary malignancy: neuroblastoma, leuceumia
- Metastatic tumor

**Tổng trạng bé
không khỏe**

‘blueberry muffin rash’

Mảng/cục màu vàng

- Nevus sebaceus
- Benign cephalic histiocytosis
- Juvenile granuloxanthoma



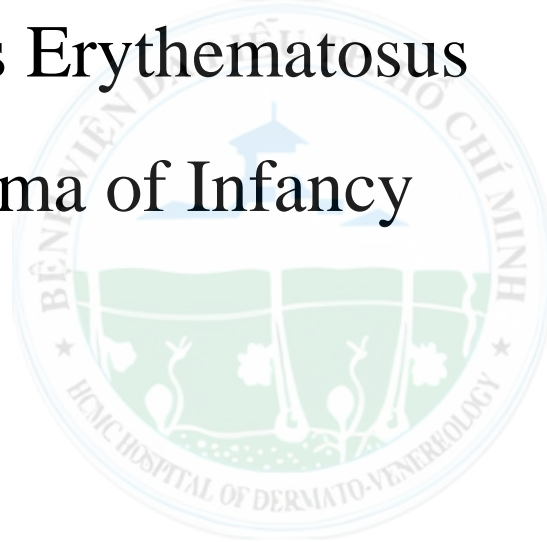
Mảng/cục màu nâu/đen

- Congenital Melanocytic Nevi
- Epidermal nevi



Hồng ban

- Neonatal Lupus Erythematosus
- Annular Erythema of Infancy



Kết luận

- Tiếp cận theo nhóm thương tổn
- Đánh giá tổng trạng của trẻ + tiền căn sản khoa
- Xác định bệnh lành tính hay nguy hiểm
- Hướng xử trí thích hợp

Thank you for your attention

